

令和2年3月30日

保護者の皆様

ホーチミン日本人学校  
校長 藤尾 治仁

### 入学式延期のお知らせ

日頃より、本校教育活動にご理解・ご協力をいただき誠にありがとうございます。

さて、先日入学式を3つの時間帯に分けて実施するとご連絡いたしました。現在、本校に入学を楽しみにしていた子供たちの多くがホーチミン市に戻れず入学式に参加できないという状況にあり、また、日本から着任する予定の教員も入国できない状況となっています。

そのような状況を考慮し、4月13日（月）に予定しておりました入学式を延期することにいたします。コロナウィルス感染が収束し、入学予定の子供たちが本校に戻り、新しい教員が着任できた時期に例年通りの入学式を実施いたします。

昨今のホーチミン市の感染対策への施策も大変厳しいものになってまいりました。そのような状況も鑑みながらとぞご理解いただきますようよろしくお願い申し上げます。

なお、教科書の配布は4月10日（金）にバス停ごとに配布する予定でいます。詳しくは後日ホームページ等で連絡いたします。物品の販売（項目は別紙参照）につきましては、下記のように時間を区切って行いますが、**学校が再開されてから購入することも可能でございます。4月から学習を進める上で、どうしても必要なものがございましたらお願いいたします。**時間帯を変更して来校されることも可能でございます。

新小学部1年生の保護者の皆様には、明日以降説明会等でいただいたメール先にお知らせいたします。

### 記

1 期 日 令和2年4月13日（月）

2 日 程

	小学部		小学部		中学部
	1年前半		1年後半		
物品販売	9:30～10:30	物品販売	10:30～11:30	物品販売	13:30～14:30

3 場 所 第1体育館

4 備 考

※ ご来校時は、マスクの着用をお願いいたします。

※ 玄関、体育館入口に消毒液を置いてありますので、手指の消毒をお願いいたします。

# 教材関係申込書(令和2年度)

小学部・中学部 年 組 名前 \_\_\_\_\_

番号	教材名		金額(VND)	数量	小計(VND)	
1	ノート	8マス 1年生	60,000			
2		10マス 1年生				
3		12マス				
4		15マス 2年生				
5		18マス 3年生				
6		15行 4年生				
7		17行 5・6年生				
8		漢字50字 1年生				
9		漢字84字 2・3年生				
10		漢字104字 4年生				
11		漢字150字 5・6年生				
12		算数		6マス 1年生		
13				8マス		
14				14マス 1年生		
15				17マス 2年生		
16				27行		
17		全科目		12mmマス		
18				5mmマス 3年生から		
19		社会		5mmマス 3年生から		
20		理科		5mmマス 3年生から		
21		英語		英習罫10段 中学部		
22		連絡帳		たて10行 1年生から		
23	図工	絵の具セット	ブルー / ピンク	1,100,000		
24			パレット	50,000		
25			絵の具(12色)	450,000		
26			彫刻刀	右利き用 / 左利き用	350,000	
27	家庭	裁縫セット	右利き	1,000,000		
28			左利き			
29			裁ちばさみ 左利き用	300,000		
30	音楽	アルトリコーダー		650,000		
31	書道具	書道セット		950,000		
32		筆	細筆	80,000		
33			太筆	210,000		
34		半紙(20枚)		35,000		
35		墨液		50,000		
36		すずり		80,000		
37		下敷き		50,000		
38	体育	スクールTシャツ	XXS / XS / S / M / L / XL	100,000		
39	行事	スクールポロシャツ	XXS / XS / S / M / L / XL	200,000		
40	その他	赤白帽子(小学部)		160,000		
41		帽子(中学部)		160,000		
42		30cmものさし(竹製)		50,000		
43		フェルトペン(中字)		30,000		
44		サックスリード	アルト / テナー		60,000	
45	その他( )					
			合 計(VND)			

- 上記申込書に記入し、代金と共に封筒に入れ、担任もしくは事務に提出してください。(おつりのないようおねがいします)
- 在庫がなくなった場合は購入できないことがあります。
- 送料や為替レートの関係で代金が変わる場合もあります。

2020.4.10～

**PHIẾU ĐẶT MUA DỤNG CỤ HỌC TẬP (NIÊN KHÓA 2020)**

Họ tên _____		Lớp _____		Khối tiểu học • Khối trung học		
STT	Tên hàng		Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	
1	Vở	Quốc ngữ	8 ô	Lớp 1	60,000	
2			10 ô	Lớp 1		
3			12 ô			
4			15 ô	Lớp 2		
5			18 ô	Lớp 3		
6			15 dòng	Lớp 4		
7			17 dòng	Lớp 5 & 6		
8			Hán tự 50 chữ	Lớp 1		
9			Hán tự 84 chữ	Lớp 2 & 3		
10			Hán tự 104 chữ	Lớp 4		
11			Hán tự 150 chữ	Lớp 5 & 6		
12		Toán	6 ô	Lớp 1		
13			8 ô			
14			14 ô	Lớp 1		
15			17 ô	Lớp 2		
16			27 ô			
17		Tổng hợp	Ô 12mm			
18			Ô 5mm	Từ lớp 3		
19		Xã hội	Ô 5mm	Từ lớp 3		
20		Lý Hóa	Ô 5mm	Từ lớp 3		
21		Anh văn	Anh văn 10 dòng	Trung học		
22		Sổ liên lạc	10 hàng dọc	Từ lớp 1		
23	Mỹ thuật	Bộ màu vẽ	Xanh / Hồng	1,100,000		
24			Khay pha màu vẽ	50,000		
25			Màu vẽ (12 màu)	450,000		
26		Dao điều khắc	Tay phải / Tay trái	350,000		
27	Nữ công gia chánh	Hộp dụng cụ may vá	Thuận tay phải	1,000,000		
28			Thuận tay trái			
29			Kéo dành cho người thuận tay trái	300,000		
30	Âm nhạc		Sáo Alto Recorder	650,000		
31	Thư pháp		Hộp dụng cụ luyện thư pháp	950,000		
32		Bút		Bút đầu nhỏ	80,000	
33					Bút đầu to	210,000
34				Giấy viết thư pháp (xấp 20 tờ)	35,000	
35				Mực tàu nước	50,000	
36				Khay đựng mực tàu	80,000	
37				Tấm lót (dùng khi luyện thư pháp)	50,000	
38	Thể dục	Áo thun thể thao	XXS / XS / S / M / L / XL	100,000		
39	Sự kiện	Áo thun sự kiện	XXS / XS / S / M / L / XL	200,000		
40	Khác		Nón trắng đỏ (Khối tiểu học)	160,000		
41			Nón thể thao (Khối trung học)	160,000		
42				Thước tre 30cm	50,000	
43				Bút lông (cỡ chữ trung)	30,000	
44			Dăm kèn	Alto / Tenor	60,000	
45	Loại khác ( _____ )					
<b>Tổng cộng (VND)</b>						

- Vui lòng điền phiếu đặt mua hàng kèm theo đúng số tiền của giá trị hàng (không phải thổi lại) vào phong bì, nộp cho giáo viên chủ nhiệm hoặc gửi trực tiếp văn phòng.
- Mong Quý vị thông cảm trong trường hợp hết hàng.
- Tùy thuộc chênh lệch tỷ giá và phí vận chuyển nên giá bán có thể có thay đổi.